

Số: 829/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 645/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Mai Thị Việt T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 106/21/7 HB, phường HT, quận T, Thành phố H.

Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 106/21/7 HB, phường HT, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Việt T và ông Phạm Ngọc S thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Bà T và ông S khai nhận có 01 con chung tên Phạm Thành Phú, sinh ngày: 31/01/1999; con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Mai Thị Việt T và ông Phạm Ngọc S chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà T và ông S đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0070793 ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Việt T và ông Phạm Ngọc S thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân chấm dứt theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 33 ngày 17/11/1997 cấp tại Ủy ban nhân dân xã LQ, huyện GT, tỉnh BT kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên khai nhận có 01 con chung tên Phạm Thành Phú, sinh ngày: 31/01/1999; con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Mai Thị Việt T và ông Phạm Ngọc S chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà T và ông S đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0070793 ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Q. T;
- UBND xã LQ, huyện GT, tỉnh BT.
- Chi cục THA.DS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Quyên